



NGHIÊN CỨU CHỨC NĂNG TÁC ĐỘNG CỦA NGÔN NGỮ THƠ QUA THƠ TỔ HỮU

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY *

Tóm tắt: Nghiên cứu chức năng tác động của ngôn ngữ thơ là một hướng đi mới góp phần đánh giá hiệu quả công năng ngữ nghĩa của thơ từ góc độ ngôn ngữ học. Bài viết trình bày hướng nghiên cứu chức năng tác động của ngôn ngữ thơ ở hai bình diện: tổ chức thông điệp và quan hệ liên nhân của lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại - lý thuyết hành động ngôn từ. Kết quả nghiên cứu cho thấy tính chất tác động ở các nhóm hành động ngôn từ không như nhau. Nếu như nhóm hành động biểu hiện và biểu cảm tác động đến người nhận một cách gián tiếp thông qua cảm xúc và nhận thức của nhà thơ để đi đến hành động thì nhóm hành động điều khiển lại tác động trực tiếp đến người nhận, trong đó hành động cầu khiến tác động mạnh nhất với những lời kêu gọi, động viên, thúc giục mọi người hành động.

Từ khóa: Chức năng tác động, ngôn ngữ thơ, hành động ngôn từ, thơ Tố Hữu.

Abstract: Studying the impact function of poetic language is a new direction contributing to assessing the effectiveness of the poetry's semantic function from the linguistic perspective. The article presents a direction of studying the

impact function of the poetic language in terms of two aspects: message organization and interpersonal relations in the light of modern linguistic theory - Speech Act Theory. The research results show that the impacts are not the same in the groups of speech acts. The expressive and emotive action group impacts the recipients indirectly through the poet's emotions and perception to come to action, but the controlling action group directly impacts the recipients in which the imperative act has the strongest impact with calls, encouragements, and urges people to act.

Keywords: Impact function, poetic language, speech act, To Huu's poetry.

1. Đặt vấn đề

Nhà ngôn ngữ học người Nga - Jakobson trong công trình *Ngôn ngữ học và thi học* cho rằng: “Việc giao tiếp ngôn ngữ có thể gồm những yếu tố như: ngữ cảnh, người gửi, thông điệp, người nhận, tiếp xúc, mã.

* PGS. TS - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: thuy81np@yahoo.com

Mỗi yếu tố đều sinh ra một chức năng ngôn ngữ khác nhau. Sáu chức năng cơ bản tương ứng với các yếu tố đó là chức năng thể hiện, chức năng thi ca, chức năng tiếp xúc, chức năng siêu ngôn ngữ, chức năng biểu cảm và chức năng tác động. Các thể loại thơ bên cạnh chức năng thi ca là chủ đạo thì những chức năng ngôn ngữ khác trong trật tự tôn ti có thể thay đổi tùy trường hợp. Thơ sử thi vốn tập trung vào ngôi thứ ba, gắn bó với chức năng thể hiện. Thơ trữ tình vốn tập trung vào ngôi thứ nhất, thì lại gắn bó mật thiết với chức năng biểu cảm. Thơ hiệu triệu vốn tập trung vào ngôi thứ hai, cho thấy rõ chức năng tác động: nó có tính chất van xin hay động viên tùy ở chỗ ngôi thứ nhất hay ngôi thứ hai có cương vị cao hơn” [1]. Nhận định trên của Jakobson là lời gợi ý cho việc nghiên cứu chức năng tác động của ngôn ngữ thơ nên đi theo hướng nào.

Ở Việt Nam, khi đề cập đến chức năng của thơ, người ta thường nói đến chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ, chức năng giáo dục. Ba chức năng này có tính bao quát và người nghiên cứu thường đánh giá tác phẩm thơ ở bình diện nội dung thơ và hình thức: thể loại, vần, nhịp điệu (niêm luật thơ) cũng như các tín hiệu thẩm mỹ được thể hiện qua phương tiện ngôn từ với các biện pháp tu từ. Hướng này thiên về nghiên cứu chức năng thể hiện (nhận thức), chức năng biểu cảm, chức năng thi ca theo sự phân loại của Jakobson, còn chức năng tác động thì chưa được quan tâm với tư cách là đối tượng riêng biệt. Thơ Việt Nam thời kỳ trung đại, cận đại thường thiên về ba chức năng trên, song thơ cách mạng Việt Nam, đặc biệt là ở giai đoạn 1930-1980 với nhà thơ tiêu biểu như Tố Hữu thì thể hiện rất rõ chức năng tác động. Đó là lý do đề bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu

chức năng tác động của ngôn ngữ thơ nhằm giúp mọi người thấy rõ giá trị hiệu triệu của thơ cách mạng Việt Nam.

2. Quan niệm về chức năng tác động của ngôn ngữ thơ

Khái niệm chức năng tác động được từ điển giải thích lần lượt như sau: “chức năng là hoạt động đặc trưng của một cơ quan nào đó trong cơ thể (ví dụ: chức năng của gan) hoặc vai trò đặc trưng của một người nào đó, một cái gì đó (ví dụ: chức năng của người mẹ, chức năng của ngôn ngữ)” [3, tr.248]; tác động là làm cho một đối tượng nào đó có những biến đổi nhất định [3, tr.1093], hoặc biến đổi vật lý (ví dụ: vật tròn biến thành méo) hoặc biến đổi về tư tưởng, tình cảm (ví dụ: từ yêu chuyển thành ghét). Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của loài người, là công cụ hình thành và phát triển tư duy, lưu giữ truyền thống văn hóa dân tộc nên có khả năng tác động rất lớn. Chức năng tác động của ngôn ngữ được biểu hiện ở chỗ chủ ngôn (người nói/viết) dùng ngôn từ tạo ra thông điệp (nội dung thông tin) thuyết phục tiếp ngôn (người nhận: người nghe/đọc), gây ảnh hưởng và xây dựng niềm tin cho tiếp ngôn, định hướng tư tưởng, tình cảm và hành động của tiếp ngôn. Chức năng tác động có thể được đo lường bằng kết quả tác động thường được đánh giá từ hai góc độ: tích cực và tiêu cực. Tác động tích cực thì ngăn chặn những hành vi sai trái, thuyết phục tiếp ngôn hướng tới lẽ phải, hành động theo lẽ phải. Còn tác động tiêu cực thì theo hướng ngược lại với tích cực.

Thơ là một thể loại văn học đặc biệt thể hiện cảm xúc của người sáng tạo bằng ngôn từ trau chuốt, giàu hình ảnh, có vần có điệu, vừa giàu nhạc tính vừa dễ nhớ dễ thuộc, có sức lay động lòng người, có sự lan tỏa

nhanh trong công chúng. Vì thế mà chức năng tác động của thơ thường đi từ cảm xúc đến nhận thức và hành động. Điều này được chứng minh bằng kết quả nghiên cứu từ bình diện tổ chức thông điệp bao gồm thông điệp (nội dung thơ) và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ để tạo thành thông điệp đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất có thể của nhà thơ (hình thức thơ). Tuy nhiên để thấy được rõ hơn tầm tác động của ngôn ngữ thơ thì cần đặt nó trong mối quan hệ liên nhân (sự tương tác xã hội giữa các cá nhân) với việc khảo cứu các nhóm hành động ngôn từ trong thơ, tức là nghiên cứu chức năng tác động của ngôn ngữ thơ từ bình diện quan hệ liên nhân.

3. Chức năng tác động của ngôn ngữ thơ ở bình diện tổ chức thông điệp

Thông điệp thơ là: nội dung thông tin mà nhà thơ truyền tải đến người nhận qua từng câu, từng bài hoặc cả tập thơ. Bằng thông điệp thơ, ngôn ngữ thơ thực hiện chức năng tác động thông qua chức năng phản ánh thế giới hiện thực, phản ánh tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ trước hiện thực mà truyền tới mọi người để mọi người nhận thức, suy nghĩ, cảm xúc như mình. Trong việc tổ chức thông điệp thì cách lựa chọn và xây dựng chủ đề bài thơ, hình tượng thơ thể hiện tư tưởng của nhà thơ. Thơ Tố Hữu giai đoạn 1930-1980 đại diện cho dòng thơ cách mạng thường tập trung vào ba chủ đề lớn: lòng yêu nước, chiến tranh giữ nước, lao động sản xuất để dựng xây đất nước với những hình tượng thơ điển hình như hình tượng đất nước, hình tượng lãnh tụ (Bác Hồ), hình tượng người lính, hình tượng nhân dân được tái hiện chân thực với cảm xúc yêu thương, trân trọng, tự hào đã hun đúc tình yêu đất nước, lòng căm thù giặc giày xéo non sông, thúc đẩy hành động quyết tâm giết giặc để bảo vệ đất nước,

dựng xây cuộc sống tươi đẹp của lớp lớp tiếp nối trong nhiều thế hệ. Trình tự phát triển chủ đề được thể hiện ở tổ chức kết cấu bài thơ. Thơ Tố Hữu thường có kết cấu sau: phần mở đầu miêu tả hiện thực (ví dụ: hiện thực chiến tranh); phần nội dung thể hiện tinh thần quyết tâm chiến đấu với lòng căm thù giặc sâu sắc; phần kết luận là niềm tin chiến thắng (xem bài thơ *Có thể nào yên ở* dưới đây). Kiểu kết cấu theo hướng tích cực góp phần tạo dựng niềm tin cho người nhận. Đó là sự tác động từ mặt hình thức của thơ. Bên cạnh đó, việc lựa chọn thể thơ với vần, nhịp phù hợp với nội dung thơ, việc sử dụng các biện pháp tu từ từ vựng - ngữ nghĩa như so sánh, hoán dụ, ẩn dụ, nhân hóa, các biện pháp tu từ cú pháp như phép thế, đảo ngữ, điệp cú pháp góp phần tạo dựng hình tượng thơ tràn đầy xúc cảm làm lay động trái tim người nhận, từ đó mà họ thay đổi nhận thức hoặc nhận thức sâu sắc hơn rồi đi đến hành động theo lời kêu gọi của nhà thơ. Tố Hữu sử dụng nhiều thể thơ: lục bát, 5 chữ nhưng nhiều nhất là thơ tự do loại 7 chữ, 8 chữ và loại không hạn chế số chữ. Số liệu thống kê [5] cho thấy thơ tự do chiếm 59,5% trong khi thể thơ song thất lục bát chỉ có duy nhất 1 bài, chiếm 0,04% trong tổng số bài thơ của Tố Hữu được khảo sát, vì thể thơ tự do không bị gò bó về niêm luật thì phù hợp với việc biểu đạt nội dung thơ, cảm xúc thơ phóng khoáng hơn, phong phú hơn là thể song thất lục bát vốn tuân theo Đường luật.

Chẳng hạn, bài thơ *Có thể nào yên* trong tập *Gió lộng* dưới đây thuộc thể thơ tự do tám chữ với nhịp thơ thay đổi luân chuyển theo cảm xúc của nhà thơ trước hiện thực được miêu tả bằng những hình ảnh ẩn dụ: “vần thơ lửa cháy” biểu trưng cho tinh thần chiến đấu; “máu chảy” biểu trưng cho sự đau thương, tang tóc; bằng hình ảnh so sánh

“miền Nam” với “ngọn đèn mặt biển”, bằng câu hỏi điệp khúc - “có thể nào yên?” cùng với đoạn kết là lời kêu gọi chiến đấu giải phóng miền Nam bằng tổng lực với hình ảnh ẩn dụ “những tàu trên các đại dương” mang cảm xúc hùng hực khí thế tiến công nên có sức tác động đến tiếp ngôn rất lớn.

4. Chức năng tác động của ngôn ngữ thơ ở bình diện quan hệ liên nhân

Mở bài:	“Tôi muốn viết những dòng thơ tươi xanh	-> nhịp 3/5
	Vẫn muốn viết những dòng thơ lửa cháy.	-> nhịp 3/5
	Có thể nào yên? Miền Nam ơi, máu chảy	-> nhịp 4/3/2
	Tám năm rồi. Sáng đây, giữa bình minh	-> nhịp 3/2/3
	Tim lại đau, nhức nhối nửa thân mình	-> nhịp 3/5
Thân bài:	Có thể nào nguôi? Từng viên đạn Mỹ	-> nhịp 4/4
	Bắn miền Nam, nát thịt da xương tủy	-> nhịp 3/5
	Của mẹ cha, đồng chí, vợ con.	-> nhịp 3/2/2
	...	
	Cho ta được làm cây chông miệng hổ	-> nhịp 2/6
	Đâm chết bầy giặc bỏ chiến khu	-> nhịp 2/5
Kết bài:	Miền Nam đó, ngọn đèn mặt biển	-> nhịp 3/4
	Giữa đêm giông, đỏ lửa đưa đường	-> nhịp 3/4
	Hãy thẳng hướng phương Đông mà tiến	-> nhịp 5/2
	Hỡi những tàu trên các đại dương”	-> nhịp 3/4

(*Có thể nào yên* - Tô Hữu)

Quan hệ liên nhân thể hiện quan hệ liên cá nhân giữa các vai giao tiếp. Ngôn ngữ thơ cũng như ngôn ngữ có chức năng liên nhân, nối kết nhà thơ với người nhận qua đó mà nối kết những người nhận với nhau. Nhà thơ dùng ngôn ngữ thơ để thể hiện quan điểm của mình về hiện thực, để kêu gọi hay làm thay đổi quan điểm của người nhận hoặc để yêu cầu người nhận thực hiện hành động theo mong muốn của mình. Mức

độ liên nhân, các kiểu quan hệ liên nhân sẽ tạo ra các mức độ, các kiểu tác động khác nhau. Trong ngôn ngữ thì từ xưng hô và hành động ngôn từ thể hiện rõ nhất tính chất liên nhân.

4.1. Tác động qua các từ xưng hô

Từ xưng hô được hiểu là: xưng là tự xưng mình và hô là gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau. Từ xưng hô được chia thành 3 ngôi: ngôi 1 trở người nói, ngôi 2 trở người nghe/người nhận, ngôi 3 trở người khác ngoài người nói và người nghe được nhắc đến trong giao tiếp. Xưng hô trong giao tiếp là phương thức kết nối người nói với người nghe. Từ xưng hô thể hiện vị thế của người nói và người nghe, thể hiện thái độ, tình cảm của người nói với người nghe và người/đối tượng được nói tới ở ngôi 3. Từ xưng hô trong tiếng Việt rất phong phú, không chỉ có đại từ nhân xưng như: *tao*, *chúng tao*,... (ngôi 1); *mày/bay*, *chúng mày/bay*,... (ngôi 2); *nó*, *họ*, *chúng nó*, *hắn*, *y*,... (ngôi 3); *ta/mình*, *chúng ta/chúng mình*,... (ngôi gộp = cả ngôi 1 và ngôi 2) mà còn có các danh từ chỉ quan hệ họ hàng như: *anh*, *chị*, *em*, *bố*, *mẹ*, *ông*, *bà*, *chú*, *bác*, *cô*, *dì*,... và các danh từ chỉ chức vụ như: *thủ trưởng*, *giám đốc*, *thủ tướng*, *chủ tịch*, *bí thư*,...; chỉ nghề nghiệp như: *thầy giáo*, *cô giáo*,...; thậm chí còn có cả danh từ chỉ sự vật được dùng thay thế cho người vận hành nó như: *xích lô*, *tắc-xi*,... Nhờ sự phong

phú này mà từ xưng hô tiếng Việt giàu sắc thái biểu cảm: nó chỉ rõ quan hệ trên - dưới, thân - sơ, tình cảm yêu - ghét, thái độ tôn trọng - coi thường vô cùng tinh tế. Trong thơ Tố Hữu, xưng hô thể hiện ở lời đối thoại trực tiếp và gián tiếp. Lời đối thoại trực tiếp thường hướng tới đối tượng đang hiện diện trước mặt còn lời đối thoại gián tiếp thường là sự hồi tưởng. Tố Hữu thường xuyên dùng các cặp từ xưng hô chỉ quan hệ thân thiết như: *anh - em, chị - em, tôi - đồng chí, mẹ/má/bà - con, bác/Bác Hồ/Người - con/chúng con* khi nói về nhân dân, lãnh tụ để thể hiện lòng yêu thương, trân trọng từng con người được nói đến trong thơ.

Ví dụ: “Anh mới hiểu càng ngậm ngùi khổ tủi

Càng dày thêm uất hận của lòng ta.

Nuôi đi em cho đến lớn, đến già

Mâm hận ấy trong lồng xương, óng máu”. (*Đi đi em!* - Tố Hữu)

Cặp từ *anh - em* đại diện cho người chiến sĩ cách mạng với nhân dân. Từ cách hô gọi có tính thân tộc này, nhà thơ đã tạo nên mối quan hệ liên nhân thân tình góp phần thôi thúc những người em đi theo cách mạng. Đồng thời, nhà thơ chỉ dùng những cặp từ xưng hô *tao/chúng tao - mày/bay/chúng mày/tụi bay* để đối đáp kẻ thù, thể hiện tư thế đứng trên kẻ thù và sự căm ghét đến mức không đội trời chung.

Ví dụ: “Má hét lớn: - Tụi bay đồ chó!

Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!

Tao già không sức cầm dao

Giết bay có các con tao trăm vùng”. (*Bà má Hậu Giang* - Tố Hữu)

Cặp xưng hô *tao - bay* ở đây đã góp phần truyền cảm lòng căm thù giặc giày xéo non sông đến người tiếp nhận để mọi

người dân Việt Nam đồng lòng đánh giặc cứu nước.

4.2. Tác động qua các nhóm hành động ngôn từ

Hành động ngôn từ được xác định và phân chia căn cứ vào mục đích nói, thể hiện sự tương tác xã hội (chủ ngôn với tiếp ngôn) về hướng đích giao tiếp, phương thức giao tiếp, về vị thế giao tiếp, thể hiện tính liên nhân cao. Hành động ngôn từ được chia thành 5 nhóm: biểu hiện, biểu cảm, điều khiển, ước kết, tuyên bố. Trong đó hai nhóm đầu có hướng từ thực tại/hiện thực đến lời nói (thực tại có trước, lời nói có sau). Chúng thực hiện chức năng nhận thức với lời trần thuật, chức năng biểu cảm với lời cảm thán và thường chứa từ xưng hô ở ngôi 1 hoặc ngôi 3 nên chúng tác động đến người nhận thông qua nhận thức, thông qua cảm xúc của người nói, tức là tác động gián tiếp.

Ví dụ: a) Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa,
-> hành động biểu hiện

Một buổi trưa nắng dài bãi cát,

Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa

Mát rượi lòng ta, ngân nga tiếng hát.
(*Mẹ Tom* - Tố Hữu)

b) Ôi Việt Nam rất đổi thương yêu! -> hành động cảm thán. (*Chào Xuân 67* - Tố Hữu)

Ba nhóm hành động phía sau thì theo hướng ngược lại: từ lời nói đến thực tại. Ba nhóm này hướng trực tiếp đến người nhận, tức là tác động trực tiếp. Nhóm hành động điều khiển (gồm hỏi và cầu khiến) có đích ngôn trung/đích tại lời là yêu cầu người nhận thực hiện hành động mà người nói mong muốn, tức là điều khiển tiếp ngôn. Trong đó sự khác biệt giữa hành động hỏi và cầu khiến là: hành động hỏi nhằm truy tìm thông tin nên yêu cầu tiếp ngôn cung cấp thông tin bằng hành động ngôn từ - trả

lời, còn hành động cầu khiến thì yêu cầu tiếp ngôn thực hiện hành động vật lý có thể kèm theo hành động ngôn từ (lời đáp kèm theo) mang tính kêu gọi, thúc giục tiếp ngôn hành động nên tác động đến tiếp ngôn trực tiếp nhất, mạnh mẽ nhất. Nhóm hành động ước kết chứng tỏ cho người nhận tính xác thực của lời nói, quyết tâm của người nói (hành động thề, hứa,...), còn nhóm hành động tuyên bố lại thể hiện rõ vị thế, quyền lực, vai trò đứng đầu, làm chủ của người nói trước người nghe. Hai nhóm hành động sau góp phần tạo dựng niềm tin cho người nhận. Xét về phương thức biểu hiện thì hành động ngôn từ có thể được biểu hiện trực tiếp bằng phương tiện ngôn từ đại diện cho nó như hành động hỏi được biểu hiện qua câu hỏi chính danh (có từ hỏi *ai, gì, sao, đâu,...*; khuôn câu trúc hỏi *có... không, đã... chưa*; thái từ (tiểu từ tình thái) hỏi như *à, ư, nhỉ, hả*), hành động cầu khiến được biểu hiện bằng câu cầu khiến chính danh với cấu trúc chứa vị từ ngôn hành cầu khiến như *yêu cầu, đề nghị, mời, xin,...* đứng trước từ xưng hô ở ngôi 2, hoặc chứa từ xưng hô ở ngôi 2 với các vị từ tình thái cầu khiến như *hãy, đừng, chớ* đứng trước vị từ (động từ) thực hoặc chứa thái từ cầu khiến như *đi, với, thôi, đã, xem, nào, nhé* ở cuối câu. Hành động ngôn từ có thể được biểu hiện gián tiếp thông qua hình thức biểu hiện của hành động khác như hành động cầu khiến gián tiếp thường được biểu hiện qua câu hỏi. Thơ Tố Hữu có đủ năm nhóm hành động ngôn từ nêu trên, đó là điểm khác biệt lớn của thơ ông so với thơ xưa. Thơ xưa mang đậm chất trữ tình, tả cảnh tả tình nên thường có hai nhóm hành động là biểu hiện và biểu cảm. Thơ chữ Nôm thế kỷ XVIII như thơ Hồ Xuân Hương bắt đầu xuất hiện hành động điều khiển với câu hỏi chính danh và câu cầu khiến chính danh.

Ví dụ: Khéo khéo đi đâu lữ ngẩn ngơ -> hỏi

Lại đây cho chị dạy làm thơ -> cầu khiến

(*Lỡm học trò* - Hồ Xuân Hương)

Điều này khiến lời thơ mang hơi thở của cuộc sống thường ngày, là lời dạy bảo trực tiếp những đối tượng cần dạy bảo, tức là nó tác động trực tiếp đến người nhận. Trong thơ Tố Hữu, sự xuất hiện câu hỏi và câu cầu khiến khá thường xuyên.

Ví dụ: a) Ở đâu, mỗi ngọn núi dòng sông
-> câu hỏi/ hành động hỏi

Cũng hiển hách chiến công, lừng danh
dũng sĩ?

Và ở đâu trên trái đất này?

Người vẫn ngọt ngào qua muôn nỗi đắng cay... (*Ra trận* - Tố Hữu)

Hỏi để trả lời, câu hỏi không chỉ thể hiện cuộc đối thoại của nhà thơ với chính mình mà còn là sợi dây liên kết nhà thơ với người nhận để người nhận cùng suy nghĩ và đồng tình với lời đáp của nhà thơ. Bài thơ vì thế đã tác động trực tiếp đến người nhận.

b) - *Đi đi em!* Can đảm bước chân lên.
(*Đi đi em!* - Tố Hữu)

- *Đi ta đi!* Khai phá rừng hoang

Hỏi núi non cao, đâu sắt đâu vàng... (*Ta đi tới* - Tố Hữu)

Câu cầu khiến với thái từ *đi* đứng sau vị từ “*đi*” là lời động viên, thúc giục hành động trực tiếp đến ngôi 2 là em Phước trong bài thơ thứ nhất - đại diện cho những người cùng khổ, là ta/chúng ta/mọi người dân Việt Nam trong bài thơ thứ hai. Vì thế sự tác động vừa rộng lớn vừa mạnh mẽ.

Hành động thề trong thơ Tố Hữu thuộc nhóm hành động ước kết được thể hiện qua lời thề.

Ví dụ: Và xin thề trước bóng dáng
thiên lương

Quyết hy sinh, phá tan hết gông xiềng

Cho Tổ quốc muôn muôn năm độc lập.
(*Quyết hy sinh* - Tố Hữu)

Nhóm hành động tuyên bố gồm: *tuyên bố* (chính thức thông báo cho mọi người biết một việc có tầm quan trọng và sau khi tuyên bố thì lời nói có hiệu lực), *tuyên án* (công bố bản án trước phiên tòa; buộc tội: buộc vào một tội nào đó, bắt phải chịu tội), *phán xét* (công bố có tính quyết định sau khi xem xét), *phán quyết* (ra quyết định có giá trị pháp lý, ai cũng phải tuân theo) và một số hành động khác như *từ bỏ*, *đặt tên*, *sa thải*,... Nhóm hành động này thường được biểu hiện trực tiếp qua cấu trúc câu chứa từ chỉ ngôi 1 và vị từ ngôn hành tương ứng tên hành động hoặc được biểu hiện gián tiếp qua câu trần thuật.

Ví dụ: - Chúng ta đã quyết thì làm

Đã đi phải đến hoàn toàn thành công. ->
Tuyên bố gián tiếp

- Giặc có mắt, phải mù hai mắt

Giặc có chân, phải chặt hai chân ->
phán xét gián tiếp

(*Quang vinh Tổ quốc chúng ta* - Tố Hữu)

Nhóm hành động tuyên bố thể hiện vị thế cao của người nói, ở đây chính là sức mạnh của dân tộc Việt Nam, vì thế lời thơ

có sức tác động mạnh khiến cho mọi người tin tưởng vào cách mạng, vào chiến thắng để quyết tâm hành động.

5. Kết luận

Hướng nghiên cứu chức năng tác động của ngôn ngữ thơ từ hai bình diện tổ chức thông điệp và quan hệ liên nhân có tính đa diện hơn những nghiên cứu trước đây về thơ. Đặc biệt, việc khảo cứu chức năng tác động của các hành động ngôn từ giúp chúng ta hiểu rõ giá trị của ngôn ngữ nói chung, đặc biệt là ngôn ngữ thơ nói riêng và vai trò của nhà thơ trong việc tạo ra những lời thơ tác động mạnh mẽ đến công chúng, nhằm truyền bá tư tưởng cách mạng tiến bộ đến nhân dân, kêu gọi nhân dân đồng lòng phấn đấu vì mục tiêu cao đẹp của dân tộc, của nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jakobson, “Ngôn ngữ học và thi học”, *Ngôn Ngữ*, số 4/2001.
- [2] Đào Thanh Lan, *Một số vấn đề ngữ pháp - ngữ nghĩa của lời*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012.
- [3] Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.
- [4] Nguyễn Thị Phương Thùy, *Xu hướng tự do hóa ngôn ngữ thơ Việt Nam thế kỉ XX*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014.
- [5] Hoàng Đăng Trị, *Chức năng tác động của ngôn ngữ thơ*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022.